TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 18-6-2026
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bạch Nhật Tuyến

Bà Trần Hồng Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Khu vực 8 tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 144/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc Dung, sinh năm: 1978.

Căn cước công dân số 087178001166.

Địa chỉ: 310, ấp Tân Thạnh 2, xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Phan Ngọc Tâm, sinh năm: 1973.

Căn cước công dân số 087073011920.

Địa chỉ: 310, ấp Tân Thạnh 2, xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Dung, anh Tâm có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc Dung trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dung và anh Tâm có tìm hiểu nhau 01 tháng trước khi sống chung vợ chồng vào năm 1998, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/9/1998 tại UBND xã An Nhơn (nay là xã Phú Hựu), tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh Tâm có người phụ nữ khác bên ngoài, chị Dung bắt được có khuyên can nhưng anh Tâm không sửa đổi nên mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không có tiếng nói chung, mặc dù sống chung nhà nhưng vợ chồng không trò chuyện với nhau. Vì vậy, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, anh Tâm và chị Dung đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2025 đến nay.

Nay chị Dung nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được, tình cảm đối với anh Tâm không còn nên chị Dung yêu cầu ly hôn anh Tâm.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Thị Huyền Trân, sinh năm 2001 và Phan Minh Tuấn, sinh năm 2005. Hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản lời khai và tại phiên tòa bị đơn anh Phan Ngọc Tâm trình bày:

- Về quan hê hôn nhân: Anh Tâm và chị Dung có tìm hiểu nhau 01 tháng trước khi sống chung vợ chồng vào năm 1998, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/9/1998 tại UBND xã An Nhơn (nay là xã Phú Hựu), tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh Tâm phát hiện chị Dung nhắn tin trò chuyện với người đàn ông khác nhiều lần, anh Tâm có khuyên can chị Dung không sửa đổi mà còn đăng tiktok về chuyện quan hệ cá nhân của vợ chồng nên mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không có tiếng nói chung, mặc dù sống chung nhà nhưng vợ chồng không trò chuyện với nhau. Vì vậy, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, anh Tâm và chị Dung đã sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay.

Vấn đề chị Dung bắt gặp anh Tâm sống cùng người phụ nữ khác là ăn bánh trả tiền chứ anh Tâm không có người phụ nữ khác bên ngoài và sau lần đó anh Tâm cũng sửa đổi, chăm lo làm ăn lo cho con ăn học. Còn chị Dung cho rằng có

khuyên can anh Tâm nhưng thực tế không có khuyên can mà chửi anh Tâm dùng lời lẻ thô tục.

Do đó, anh Tâm không đồng ý ly hôn với chị Dung vì anh Tâm còn thương vợ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Thị Huyền Trân, sinh năm 2001 và Phan Minh Tuấn, sinh năm 2005. Hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dung. Cho chị Dung và anh Tâm ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Thị Huyền Trân, sinh năm 2001 và Phan Minh Tuấn, sinh năm 2005. Hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về chia tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc Dung khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Phan Ngọc Tâm; Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn" loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2, Điều 1 Luật số

85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án của Quốc Hội.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dung và anh Tâm quen biết và tìm hiểu nhau 01 tháng trước khi sống chung vợ chồng vào năm 1998, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/9/1998 tại Ủy ban nhân dân xã An Nhơn (nay là xã Phú Hựu), tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Dung và anh Tâm được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị Dung với anh Tâm, theo chị Dung năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh Tâm có người phụ nữ khác bên ngoài, chị Dung bắt được có khuyên can nhưng anh Tâm không sửa đổi nên mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không có tiếng nói chung, mặc dù sống chung nhà nhưng vợ chồng không trò chuyện với nhau. Vì vậy, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, anh Tâm và chị Dung đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2025 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được. Chị Dung yêu cầu ly hôn anh Tâm.

Anh Tâm thừa nhận có sống cùng người phụ nữ khác bên ngoài và chị Dung bắt gặp nhưng theo anh Tâm thì vấn đề này là ăn bánh trả tiền, không có tình cảm. Mặt khác, anh Tâm cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, do chị Dung nhắn tin trò chuyện với người đàn ông khác nhiều lần, anh Tâm phát hiện và khuyên can nhưng chị Dung không sửa đổi mà còn đăng tiktok về chuyện quan hệ cá nhân của vợ chồng nên mâu thuẫn càng trầm trọng, không có tiếng nói chung, mặc dù sống chung nhà nhưng vợ chồng không trò chuyện với nhau, anh Tâm và chị Dung đã sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay.

Tuy nhiên, anh Tâm vẫn còn thương chị Dung nên không đồng ý ly hôn với chị Dung.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*…".

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Dung và anh Tâm đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì theo chị Dung nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của chị thì chị cũng không đoàn tụ sống chung cùng anh Tâm. Như vậy, chị Dung và anh Tâm đoàn tụ tiếp tục sống chung thì cũng không có hạnh phúc. Nên chị Dung yêu cầu ly hôn anh Tâm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Thị Huyền Trân, sinh năm 2001 và Phan Minh Tuấn, sinh năm 2005. Hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên thống nhất đề nghị về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Ngọc Dung phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Ngọc Dung. Chị Phạm Thị Ngọc Dung và anh Phan Ngọc Tâm ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Phan Thị Huyền Trân, sinh năm 2001 và Phan Minh Tuấn, sinh năm 2005. Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc Dung nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Dung đã nộp ngày 12/5/2026 theo biên lai thu số 0007330 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp, được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8;
- Cục THADS Tỉnh;
- UBND xã An Nhơn (nay là xã Phú Hựu) (GCNKH số 49 ngày 25/9/1998);
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Kiều